

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày 10 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Nghĩa

Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Thị Hồng G, tên gọi khác: không, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1979, tại thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố Minh L, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần H (đã chết) và bà Trương Thị D (đã chết); có chồng: Đinh Ngọc C (đã ly thân); con: có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15 tháng 12 năm 2020. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình; đại diện Phòng bán hàng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H - Giám đốc; địa chỉ: số 373 đường Q, Khu phố 1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người làm chứng:

Chị Dương Thị L, sinh ngày 05/10/1990; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Chị Trương Thị Hồng S, sinh ngày 06/01/1970; nơi cư trú: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Chị Phan Thanh H, sinh ngày 12/4/1994; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng gần cuối năm 2015, Trần Thị Hồng G vào làm cộng tác viên thu cước dịch vụ tại Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình và đến ngày 01 tháng 6 năm 2016, G ký hợp đồng với Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình để thu cước dịch vụ cho Phòng bán hàng Quảng Trạch, theo hợp đồng đại lý và dịch vụ số 30022/HĐĐLDV-TTKD QBH. Nhiệm vụ của G là thu tiền cước của khách hàng sử dụng dịch vụ VNPT (điện thoại, mạng...) tuyến số 22 khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, rồi nộp về quỹ đơn vị, G được nhận lương hàng tháng theo sản phẩm làm được. Quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng không phát sinh vấn đề gì. Tuy nhiên, đến thời điểm tháng 03/2018 Trần Thị Hồng G đã nhận hóa đơn và thu tiền cước của các khách hàng sử dụng dịch vụ VNPT tuyến số 22 tại phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn phát sinh trong tháng 01/2018, và tháng 02/2018 từ bộ phận kế toán Phòng bán hàng Quảng Trạch nhưng không nộp tiền đầy đủ về cho đơn vị theo đúng quy định, cụ thể như sau:

- Tháng 01/2018 gồm 577 mã thuê bao với tổng số tiền là 65.294.042 đồng
- Tháng 02/2018 gồm 567 mã thuê bao với tổng số tiền là 63.413.686 đồng

Tổng số tiền cước dịch vụ của khách hàng tuyến số 22 phát sinh trong tháng 01/2018 và tháng 02/2018 theo các hóa đơn mà Trần Thị Hồng G đã nhận là 128.707.728 đồng. Quá trình thu cước, do một số khách hàng đã thanh toán bằng hình thức khác, hoặc khách hàng không nộp tiền hoặc đi thu cước mà không gặp được khách hàng, số tiền trên các hóa đơn mà G đã hoàn trả lại cho Phòng có số tiền là 17.026.388 đồng (trong đó tháng 01/2018 là 8.351.938 đồng; tháng 02/2018 là 8.674.450 đồng). Do cước phí của tháng 01 sẽ được thu trong tháng 02 lại trùng vào dịp tết nguyên đán Mậu Tuất nên Phòng đồng ý cho G trả cả hai tháng rồi nộp và quyết toán có hóa đơn kèm theo về Phòng, chậm nhất vào ngày 31/3/2018. Theo đó, G đã thu được tiền cước của khách hàng trên các hóa đơn của hai tháng là 111.681.340 đồng và lần lượt nộp về Phòng bán hàng Quảng Trạch, với số tiền 62.900.000 đồng, bao gồm:

- Ngày 28/02/2018 nộp 20.000.000 đồng tiền cước tháng 01/2018.
- Ngày 03/03/2018 nộp 5.000.000 đồng tiền cước tháng 01/2018.
- Ngày 06/03/2018 nộp 5.000.000 đồng tiền cước tháng 01/2018.
- Ngày 11/03/2018 nộp 3.000.000 đồng tiền cước tháng 01/2018.
- Ngày 15/03/2018 nộp 10.200.000 đồng tiền cước tháng 02/2018.
- Ngày 30/03/2018 nộp 13.700.000 đồng tiền cước tháng 02/2018.
- Ngày 31/03/2018 nộp 6.000.000 đồng tiền cước tháng 2/2018.

Như vậy, tổng số tiền cước phát sinh trong tháng 01/2018 mà G đã thu được của khách hàng sử dụng dịch vụ VNPT là 56.942.104 đồng, G chỉ nộp lại cho đơn vị 33.000.000 đồng, còn đọng lại ở G 23.942.104 đồng. Tháng 02/2018 G đã thu được số tiền 54.739.236 đồng, G chỉ nộp lại cho đơn vị 29.900.000 đồng, còn đọng lại 24.839.236 đồng. Tổng số tiền cước mà G đã thu của các khách hàng nhưng không nộp về đơn vị, tính đến hết ngày 31/3/2018 là 48.781.340 đồng. Để đảm bảo hoạt động kinh doanh, tránh ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị, bà Nguyễn

Thị Mỹ H- Giám đốc Phòng bán hàng Quảng Trạch đã tạm ứng tiền nguồn quỹ của đơn vị để nộp bù đủ vào tài khoản của Phòng bán hàng Quảng Trạch, số tiền 48.781.340 đồng, nhằm để bảo đảm sự hoạt động bình thường của đơn vị. Sau đó, Trần Thị Hồng G đã nộp về Phòng bán hàng Quảng Trạch số tiền 18.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 03/4/2018, G nộp tiền cho bà Phan Thanh H là nhân viên quản lý thu cước của đơn vị, với số tiền 3.000.000 đồng.

- Ngày 24/4/2018, G nộp số tiền 10.000.000 đồng được rút từ thẻ tiết kiệm số 0023402 mang tên Trần Thị Hồng G tại quỹ tín dụng phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cho bà Phan Thanh H là nhân viên quản lý thu cước của đơn vị.

- Ngày 29/7/2018, G nộp số tiền 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản Banking từ số tài khoản 53210000366781 của G qua số tài khoản 53210000209211 của bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Giám đốc đơn vị.

Số tiền còn lại 30.781.340 đồng, do hoàn cảnh khó khăn mất khả năng hoàn thanh toán nên G đã thay đổi số điện thoại, bỏ đi làm ăn nhiều nơi, trốn tránh không liên hệ với Phòng bán hàng Quảng Trạch. Ngày 06/8/2020, Phòng bán hàng Quảng Trạch đã làm đơn trình báo với Cơ quan điều tra Công an thị xã Ba Đồn xử lý theo pháp luật.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã tạm giữ 6.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam do bị cáo Trần Thị Hồng G tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả tài sản đã chiếm đoạt; ngày 12/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 10 trả lại số tiền trên cho Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình.

Về dân sự: Giai đoạn điều tra, G đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra, số tiền 6.000.000 đồng để trả lại cho Phòng bán hàng Quảng Trạch; giai đoạn truy tố, G đã tự nguyện nộp thêm đủ số tiền còn lại 24.781.340 đồng cho Phòng bán hàng Quảng Trạch.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT - VKSBD ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Trần Thị Hồng G về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Bản cáo trạng, đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trần Thị Hồng G phạm tội “Tham ô tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu số tiền 6.000.000 đồng từ G để trả lại cho Phòng bán hàng Quảng Trạch đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 30.781.340 đồng cho Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình, Phòng bán hàng Quảng Trạch đã nhận

đủ tiền và không yêu cầu gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội dung Bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận gì.

Đại diện phía bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ H, Giám đốc Phòng bán hàng Quảng Trạch trình bày: Đã nhận đủ số tiền 30.781.340 đồng do bị cáo tự nguyện khắc phục, không yêu cầu bồi thường gì thêm; về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo có điều kiện nuôi dạy và chăm sóc con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, vào ngày 01 tháng 6 năm 2016, sau khi ký Hợp đồng đại lý và dịch vụ với Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình - Doanh nghiệp Nhà nước, bị cáo là nhân viên Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình; được giao nhiệm vụ nhận hóa đơn thu tiền cước của khách hàng sử dụng dịch vụ VNPT (điện thoại, mạng...) tuyến số 22 khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, quản lý tài sản này để nộp về cho Doanh nghiệp theo thời hạn như đã ký kết trong Hợp đồng. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo không nộp tiền đầy đủ theo đúng quy định mà cố ý chiếm đoạt tài sản của Doanh nghiệp với tổng số tiền 30.781.340 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thị Hồng G đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh mà Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tham ô tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do nhu cầu cá nhân, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện, bất chấp pháp luật, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu

tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường và ảnh hưởng xấu đến uy tín của Phòng bán hàng Quảng Trạch. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có nhân thân tốt.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đã tự nguyện khắc phục, nộp lại đủ số tiền đã chiếm đoạt cho Phòng bán hàng Quảng Trạch - Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình, thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đại diện Phòng bán hàng Quảng Trạch - bà Nguyễn Thị Mỹ H có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt và tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố là ông Trần H là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất; bị cáo có đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt và hình phạt bổ sung:

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thấy: bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết tham ô tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục họ có ý thức tuân theo pháp luật.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không đảm nhiệm chức vụ gì, lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Xét thấy tại giai đoạn điều tra đã tạm giữ 6.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam do bị cáo Trần Thị Hồng G tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả tài sản đã chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số 10 trả lại số tiền trên cho Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 30.781.340 đồng cho Phòng bán hàng Quảng Trạch thuộc Trung tâm kinh doanh VNPT Quảng Bình, Phòng bán hàng Quảng Trạch đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm, các bên cam đoan không khiếu kiện, khiếu nại gì về dân sự; vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”; buộc bị cáo Trần Thị Hồng G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng G phạm tội “Tham ô tài sản”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng G 15 (Mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị Hồng G.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

6. Về án phí: Xử buộc bị cáo Trần Thị Hồng G phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Thi hành án hình sự.

(Đã Ký)

Phan Anh Đức